

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	Bỏ nhiệm này 16/06/2023
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	Bỏ nhiệm này 16/06/2023
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 25/05/2023
Bà Đặng Thanh Tú	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 06/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Chinh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/06/2023
Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2023
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 24/05/2023
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 10/02/2023
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 15/02/2023
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/05/2023
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2023
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Số: 290324.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2022, một số khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước chưa được Công ty đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan với số tiền lần lượt là 9,8 tỷ đồng; 1,1 tỷ đồng; 5,5 tỷ đồng và 0,9 tỷ đồng. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán, người mua trả tiền trước và phải trả khác chưa đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 9,2 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng; 5,9 tỷ đồng; 6,5 tỷ đồng; 0,347 tỷ đồng và 1,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2023. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2023, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 9,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.361.654.958	107.339.982.932
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.676.161.488	12.859.668.822
111	1. Tiền		2.676.161.488	12.859.668.822
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.852.063.069	3.852.063.069
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.852.063.069	3.852.063.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.904.757.195	55.509.091.308
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	37.885.844.223	36.103.660.086
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.729.077.244	4.748.730.879
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.289.835.728	14.656.700.343
140	IV. Hàng tồn kho	8	43.253.333.758	34.405.392.585
141	1. Hàng tồn kho		43.253.333.758	34.405.392.585
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.675.339.448	713.767.148
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	683.099.140	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		808.102.008	570.195.385
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	184.138.300	143.571.763
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.992.935.619	34.646.942.108
220	II. Tài sản cố định		38.727.551.727	12.914.674.795
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	38.727.551.727	12.914.674.795
222	- Nguyên giá		65.749.454.632	39.603.436.318
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.021.902.905)	(26.688.761.523)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		326.820.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(326.820.000)	(1.094.660.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	756.516.650	12.566.704.268
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		756.516.650	12.566.704.268
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	8.341.723.669	7.831.723.669
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.696.000.000	4.186.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.595.723.669
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.167.143.573	1.333.839.376
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.167.143.573	519.798.097
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163.354.590.577	141.986.925.040

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		96.022.114.940	75.218.774.391
310	I. Nợ ngắn hạn		82.647.463.031	65.261.051.446
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	27.481.094.871	23.215.088.492
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.628.721.818	8.977.643.837
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	624.812.591	2.155.096.822
314	4. Phải trả người lao động		1.324.069.920	1.940.802.781
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	24.837.507	1.346.497.429
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.805.857.346	8.241.029.120
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	34.617.004.092	18.756.273.580
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		141.064.886	628.619.385
330	II. Nợ dài hạn		13.374.651.909	9.957.722.945
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	1.437.000.000	9.957.722.945
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	11.937.651.909	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.332.475.637	66.768.150.649
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	67.332.475.637	66.768.150.649
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.995.748.115	18.995.748.115
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.336.727.522	3.772.402.534
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.772.402.534	22.729.927
421b	LNST chưa phân phối năm nay		564.324.988	3.749.672.607
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163.354.590.577	141.986.925.040


Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập


Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng


Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	54.392.327.501	76.289.187.267
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.392.327.501	76.289.187.267
11	4. Giá vốn hàng bán	23	35.475.779.754	61.921.155.116
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.916.547.747	14.368.032.151
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	364.315.746	2.137.272.268
22	7. Chi phí tài chính	25	2.316.126.969	1.161.593.350
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.314.620.797	1.156.021.899
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.689.886.343	11.221.613.891
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		274.850.181	4.122.097.178
31	11. Thu nhập khác	27	725.045.439	1.433.800.666
32	12. Chi phí khác	28	313.594.171	1.119.199.942
40	13. Lợi nhuận khác		411.451.268	314.600.724
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		686.301.449	4.436.697.902
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	121.976.461	687.025.295
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		564.324.988	3.749.672.607



Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập



Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Vũ Văn Chinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		686.301.449	4.436.697.902
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.453.096.087	1.371.311.165
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(502.368.524)	(2.612.398.594)
06	- Chi phí lãi vay		2.314.620.797	1.156.021.899
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.951.649.809	4.351.632.372
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.860.097.768)	5.495.903.915
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.033.899.894)	(5.539.711.347)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.838.686.867)	15.396.176.542
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.144.485.895)	(149.580.760)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.407.927.992)	(1.048.079.197)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(696.344.772)	(277.459.628)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(487.554.499)	(1.008.223.235)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.517.347.878)	17.220.658.662
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.461.796.259)	(12.634.704.268)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		144.063.636	816.326.559
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.852.063.069)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.263.600.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(510.000.000)	(227.724.363)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		364.315.746	1.796.072.035
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.463.416.877)	(12.838.493.106)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		41.639.127.274	15.087.237.371
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(13.840.744.853)	(16.481.682.880)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.125.000)	(3.341.108.763)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		27.797.257.421	(4.735.554.272)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.183.507.334)	(353.388.716)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.859.668.822	13.213.057.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.676.161.488	12.859.668.822


Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập


Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng




Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 126 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 201 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế và sự sụt giảm nguồn vốn giải ngân của Nhà nước cho các công trình thủy lợi dẫn đến doanh thu của Công ty năm nay giảm 28,7% so với năm trước. Ngoài ra, trong năm nay việc thay đổi cơ cấu nhân sự cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc Công ty nhận định, việc triển khai các công trình thủy lợi theo quy hoạch của Nhà nước sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)

Địa chỉ

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Hoạt động kinh doanh chính

Tầng 3, tòa nhà số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Số 95/8/116, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Nghệ An (HEC 16)

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Số 100, Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội

Dịch vụ in ấn

Số 107, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Số 61/33 Bình Giã, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng đại diện Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Việt nam - CTCP tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Số 52, đường Đống Đa, thành Phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Dự phòng đầu tư tài chính

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	187.642.162	1.375.740.511
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.488.519.326	11.483.928.311
	<u>2.676.161.488</u>	<u>12.859.668.822</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỤY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn(*)	3.852.063.069	-	3.852.063.069	-
	3.852.063.069	-	3.852.063.069	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, đầu tư tài nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 3.852.063.069 VND với lãi suất 4,6%/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. (Xem thêm thông tin tại thuyết minh 19).

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	4.696.000.000	-	4.186.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
- Công ty cổ phần Quản lý và dịch vụ HEC (*)	510.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
	8.341.723.669	-	7.831.723.669	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Khánh Hòa	58,76%	58,76%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng
- Công ty cổ phần Quản lý và dịch vụ HEC (*)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Đơn vị khác				
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	Hà Nội	18,60%	18,60%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

(*) Theo Nghị quyết Số 62/2023/NQ-HĐQT ngày 20/09/2023 của Hội đồng quản trị Công ty. Công ty đầu tư góp vốn 51.000 cổ phần, tương ứng 510.000.000 đồng để thành lập Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ Hec, chiếm 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7	4.411.905.000	-	1.372.782.000	-
- Ban QLDA Sông Tích	1.217.413.000	-	1.217.413.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ	553.373.200	-	549.520.000	-
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Thanh Hoá	1.549.598.000	-	3.871.204.699	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	428.627.923	-	408.169.923	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Vinacco	260.525.000	-	260.525.000	-
- Bộ Tư lệnh lãng bảo vệ Hồ Chí Minh	-	-	301.386.421	-
- Công ty Hiệp Phú - Khoan phụt Hồ Noong Mò	-	-	329.114.000	-
- Phải thu khách hàng khác	27.833.402.100	-	26.162.545.043	-
	37.885.844.223	-	36.103.660.086	-

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 9,3 tỷ đồng, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.890.262.000	-	2.412.505.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.380.000.000	-	1.380.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	166.262.000	-	350.500.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	344.000.000	-	682.005.000	-
Bên khác	5.838.815.244	-	2.336.225.879	-
- Công ty cổ phần SSD Việt Nam	2.236.512.412	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.602.302.832	-	2.336.225.879	-
	7.729.077.244	-	4.748.730.879	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nội dung				
Phải thu người lao động	5.385.845.334	-	5.049.584.707	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	51.982.204	-
Tạm ứng	11.298.059.648	-	9.162.597.147	-
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	-	-	5.000.000	-
Phải thu khác	605.930.746	-	387.536.285	-
	17.289.835.728	-	14.656.700.343	-
Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu đối tượng khác	17.289.835.728	-	14.656.700.343	-
	17.289.835.728	-	14.656.700.343	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	793.521.748	-	1.106.961.511	-
Công cụ, dụng cụ	115.350.019	-	103.710.608	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.344.461.991	-	33.194.720.466	-
	43.253.333.758	-	34.405.392.585	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng công ty	-	12.566.704.268
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng chi nhánh	756.516.650	-
	756.516.650	12.566.704.268

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.099.094.112	8.792.141.662	9.667.219.353	859.302.352	185.678.839	39.603.436.318
- Mua trong năm	-	105.000.000	-	625.074.016	-	730.074.016
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.541.909.861	-	-	-	-	26.541.909.861
- Thanh lý, nhượng bán	-	(140.191.658)	(541.758.400)	(258.336.666)	(185.678.839)	(1.125.965.563)
Số dư cuối năm	46.641.003.973	8.756.950.004	9.125.460.953	1.226.039.702	-	65.749.454.632
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.784.690.732	8.322.703.131	8.687.818.457	707.870.364	185.678.839	26.688.761.523
- Khấu hao trong năm	812.335.988	199.057.493	324.376.489	117.326.117	-	1.453.096.087
- Thanh lý, nhượng bán	-	(140.191.658)	(541.758.400)	(252.325.808)	(185.678.839)	(1.119.954.705)
Số dư cuối năm	9.597.026.720	8.381.568.966	8.470.436.546	572.870.673	-	27.021.902.905
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	11.314.403.380	469.438.531	979.400.896	151.431.988	-	12.914.674.795
Tại ngày cuối năm	37.043.977.253	375.381.038	655.024.407	653.169.029	-	38.727.551.727

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.393.315.477 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 326.820.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	656.679.406	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.419.734	-
	<u>683.099.140</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	49.725.977	149.142.769
Công cụ dụng cụ xuất dùng	831.471.531	269.263.542
Chi phí trả trước dài hạn khác	285.946.065	101.391.786
	<u>1.167.143.573</u>	<u>519.798.097</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	3.842.989.000	3.000.000.000
Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP	1.800.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình	-	3.786.700.337
Các khoản người mua trả trước khác	1.985.732.818	1.640.943.500
	<u>7.628.721.818</u>	<u>8.977.643.837</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	11.085.166.000	11.085.166.000	10.778.966.000	10.778.966.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.117.572.000	1.117.572.000	1.222.572.000	1.222.572.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	6.519.502.000	6.519.502.000	5.384.071.000	5.384.071.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	3.412.323.000	3.412.323.000	4.172.323.000	4.172.323.000
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	35.769.000	35.769.000	-	-
Bên khác	16.395.928.871	16.395.928.871	12.436.122.492	12.436.122.492
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	1.019.219.000	1.019.219.000	800.736.000	800.736.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn	213.234.000	213.234.000	213.234.000	213.234.000
- Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình - thiết kế kiến trúc	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ trắc địa	1.652.345.000	1.652.345.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	6.935.536.871	6.935.536.871	8.646.558.492	8.646.558.492
	27.481.094.871	27.481.094.871	23.215.088.492	23.215.088.492

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	123.412.563		1.420.438.870		389.765.431		1.421.243.090		157.953.100		423.501.748	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		637.900.404		121.976.461		696.344.772		-		63.532.093	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		96.757.548		415.716.262		380.721.060		6.026.000		137.778.750	
Các loại thuế khác	-		-		2.571.652		2.571.652		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.159.200		-		-		-		20.159.200		-	
	143.571.763		2.155.096.822		930.029.806		2.500.880.574		184.138.300		624.812.591	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	24.837.507	118.144.702
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	-	1.228.352.727
	24.837.507	1.346.497.429

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	-	7.975.268.400
- Doanh thu giám sát tác giả	1.437.000.000	1.982.454.545
	1.437.000.000	9.957.722.945

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	2.730.395.638	2.642.026.683
- Bảo hiểm xã hội	10.235.592	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.074.950.937	1.076.075.937
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	638.199.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	73.274.000	73.274.000
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	3.633.581.553	2.861.995.468
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Phải trả người lao động về trợ cấp thôi việc	1.508.862.333	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	667.946.638	481.046.377
	10.805.857.346	8.241.029.120
b) Chi tiết theo đối tượng		
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	638.199.355
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Phải trả các đối tượng khác	9.699.246.691	7.134.418.465
	10.805.857.346	8.241.029.120

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	18.756.273.580	18.756.273.580	26.565.350.794	12.269.234.630	33.052.389.744	33.052.389.744
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	9.344.100.259	9.344.100.259	8.516.999.970	12.201.234.500	5.659.865.729	5.659.865.729
- Vay cá nhân ⁽²⁾	9.412.173.321	9.412.173.321	7.500.000.000	-	16.912.173.321	16.912.173.321
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽³⁾	-	-	10.548.350.824	68.000.130	10.480.350.694	10.480.350.694
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.564.614.348	-	1.564.614.348	1.564.614.348
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	1.564.614.348	-	1.564.614.348	1.564.614.348
	18.756.273.580	18.756.273.580	28.129.965.142	12.269.234.630	34.617.004.092	34.617.004.092
b) Vay dài hạn	-	-	15.073.776.480	1.571.510.223	13.502.266.257	13.502.266.257
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	15.073.776.480	1.571.510.223	13.502.266.257	13.502.266.257
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(1.564.614.348)	-	(1.564.614.348)	(1.564.614.348)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	11.937.651.909	11.937.651.909
	-	-	(1.564.614.348)	-	11.937.651.909	11.937.651.909

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/CTD/VCBHN-TVTL ngày 23/11/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện ký lại hợp đồng do
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.659.865.729 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2023 là: 16.912.173.321 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/11120466/HĐTD ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.480.350.694 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Hợp đồng tín dụng số 02/2022/11120466/HĐTD ngày 28/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và công ty với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Sửa chữa Trụ sở văn phòng Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 10,9%/năm cố định trong 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 13.502.266.257 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.564.614.348 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	15.490.543.089	3.917.402.178,00	63.407.945.267		
Lãi trong năm trước	-	-	3.749.672.607,00	3.749.672.607		
Phân phối lợi nhuận	-	3.505.205.026	(3.894.672.251,00)	(389.467.225)		
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	18.995.748.115	3.772.402.534,00	66.768.150.649		
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	18.995.748.115	3.772.402.534,00	66.768.150.649		
Lãi trong năm nay	-	-	564.324.988,00	564.324.988		
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	18.995.748.115	4.336.727.522,00	67.332.475.637		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Nguyễn Hoàng Linh	14.410.000.000	32,75	14.410.000.000	32,75	
Các cổ đông khác	29.590.000.000	67,25	29.590.000.000	67,25	
	44.000.000.000	100	44.000.000.000	100	

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	1.076.075.937	4.417.184.700
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(1.125.000)	(3.341.108.763)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(1.125.000)	(3.341.108.763)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	1.074.950.937	1.076.075.937

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.995.748.115	18.995.748.115
	18.995.748.115	18.995.748.115

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bàn Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Thời hạn thuê đất 50 năm tính từ ngày 01/01/1997. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.392.327.501	76.289.187.267
	54.392.327.501	76.289.187.267

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.475.779.754	61.921.155.116
	35.475.779.754	61.921.155.116

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	2.664.403.000	9.124.869.550
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	204.315.746	225.135.035
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	133.043.510
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	1.570.937.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	208.156.723
	364.315.746	2.137.272.268

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	160.000.000	893.160.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.314.620.797	1.156.021.899
Chi phí tài chính khác	1.506.172	5.571.451
	<u>2.316.126.969</u>	<u>1.161.593.350</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	737.822.466	574.332.953
Chi phí nhân công	5.500.397.829	2.264.222.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.030.633	558.465.816
Thuế, phí, lệ phí	2.893.565.584	2.521.138.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.300.053.386	2.351.426.550
Chi phí khác bằng tiền	3.354.016.445	2.952.027.504
	<u>16.689.886.343</u>	<u>11.221.613.891</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	138.052.778	816.326.559
Thu tiền đề tài khoa học	-	200.000.000
Tiền cho thuê văn phòng, thuê tài sản trên đất	128.127.349	29.807.459
Tiền thu phạt vi phạm hợp đồng	-	72.000.000
Thu nhập khác	458.865.312	315.666.648
	<u>725.045.439</u>	<u>1.433.800.666</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	83.447.257	492.821.146
Chi phí đề tài khoa học	-	200.000.000
Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	190.000.000
Chi phí khác	230.146.914	236.378.796
	<u>313.594.171</u>	<u>1.119.199.942</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	686.301.449	4.436.697.902
Các khoản điều chỉnh tăng	83.580.857	569.365.571
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	83.580.857	569.365.571
Các khoản điều chỉnh giảm	(160.000.000)	(1.570.937.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(160.000.000)	(1.570.937.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	609.882.306	3.435.126.473
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	121.976.461	687.025.295
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp năm nay	-	305.931.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	637.900.404	(77.596.726)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(696.344.772)	(277.459.628)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	63.532.093	637.900.404

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.079.182.064	9.043.626.235
Chi phí nhân công	23.064.725.340	22.670.132.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.453.096.087	1.371.311.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.845.075.860	17.112.761.703
Chi phí khác bằng tiền	19.873.328.271	28.553.736.027
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	61.315.407.622	78.751.567.903

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.488.519.326	-	-	2.488.519.326
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.175.679.951	-	-	55.175.679.951
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	61.516.262.346	-	-	61.516.262.346
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.483.928.311	-	-	11.483.928.311
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.760.360.429	-	-	50.760.360.429
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	66.096.351.809	-	-	66.096.351.809

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	34.617.004.092	11.937.651.909	-	46.554.656.001
Phải trả người bán, phải trả khác	38.286.952.217	-	-	38.286.952.217
Chi phí phải trả	24.837.507	-	-	24.837.507
	72.928.793.816	11.937.651.909	-	84.866.445.725

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	18.756.273.580	-	-	18.756.273.580
Phải trả người bán, phải trả khác	31.456.117.612	-	-	31.456.117.612
Chi phí phải trả	1.346.497.429	-	-	1.346.497.429
	51.558.888.621	-	-	51.558.888.621

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		2.664.403.000	9.124.869.550
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	-	1.181.970.510
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Công ty con	1.617.758.000	3.707.618.182
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	862.525.000	4.140.009.949
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	184.120.000	95.270.909
Cổ tức nhận được		160.000.000	893.160.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	-	587.600.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	-	200.560.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	55.000.000	-
Góp vốn		510.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	Công ty con	510.000.000	-
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	81.000.000	81.000.000
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	48.600.000	48.600.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	48.600.000	48.600.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	13.500.000	-
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	10.800.000	48.600.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Ông Đặng Thanh Tú	Thành viên	35.100.000	48.600.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	8.100.000	-
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	38.000.000	36.000.000
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	23.600.000	21.600.000
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000	21.600.000
Bà Bùi Thị Lê	Trưởng BKS	-	32.400.000
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	16.000.000	-
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	16.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	2.000.000	-
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	42.596.000	-
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	212.440.000	-
Ông Đặng Thanh Tú	Thành viên	2.000.000	-
Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	351.210.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	-	286.384.000
Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	196.440.000	-
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	548.981.601	315.372.800
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	208.120.000	295.551.000
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	65.391.000	55.963.000
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	160.500.000	95.000.000
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	291.560.000	-
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	2.000.000	-

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc